

Tinh Hoa Kinh Luận Nguyên Thủy

Bài 77

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 26. 03. 2026

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

<https://www.youtube.com/watch?v=I7OU3KWGHQM>

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

<https://www.facebook.com/thaythichthientrang>

Nam Mô Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn!

Kính chào toàn thể quý vị! Hôm nay là bài 77, chuyên đề Tinh Hoa Kinh Luận Nguyên Thủy. Bài này, quý vị coi không phải là trực tiếp mà chúng tôi đã quay trước, để cho quý vị coi lại. Bởi vì trong thời gian này chúng tôi đang bận sửa chữa nơi ở, nên không thể livestream. Cho nên là quay để quý vị có thời gian coi đỡ, không chờ lâu quá mà không có gì để coi.

Hôm nay, chúng ta sẽ vào phần đầu tiên, đó là giới thiệu một phần căn bản:

Tóm tắt về Tiền thân của Tôn giả Kondañña (Kiều Trần Như)

(Theo Đại Phật Sử)

a) Nguyên vọng quá khứ thời Đức Phật Thắng Liên Hoa

Tính lùi từ Hiền kiếp này (*bhadda-kappa*), cách đây trên một trăm ngàn đại kiếp, có Đức Phật Padumuttara (Thắng Liên Hoa) xuất hiện trong thế gian. Lúc bấy giờ có một thiện nam sanh ra trong một gia đình giàu có.

Trong lúc ấy, Đức Phật Padumuttara xác chứng cho một vị Tỳ-khưu nọ là đệ nhất trong những vị Tỳ-khưu lâu năm (*rattaññū*) đã giác ngộ Tứ Diệu Đế và thoát khỏi sanh tử luân hồi bằng phương tiện ấy trong giáo pháp của Ngài.

Khi vị thiện nam nghe lời tuyên bố của Đức Phật, vị ấy suy xét: “Người này quả thật là vĩ đại! Nghe nói rằng, ngoài Đức Phật, không có người nào khác trước vị ấy giác ngộ Tứ Diệu Đế. Sẽ như thế nào nếu trong thời kỳ giáo pháp của một vị Phật tương lai, ta được trở thành một Tỳ-khưu như vị ấy, giác ngộ Tứ Diệu Đế!”

Tức là vào khoảng 100.000 Đại kiếp về trước, lúc đó có Đức Phật Thắng Liên Hoa ra đời. Lúc Đức Phật giảng pháp, Ngài tuyên bố tán thán một vị Tỳ-kheo, vị ấy thật là tuyệt vời, đó là vị ấy ngộ được giáo lý Tứ diệu đế chỉ sau Đức Phật Thắng Liên Hoa. Tức là trong thời kỳ Đức Phật ra đời, người mà giác ngộ đầu tiên thì coi như đó là Đệ tử lớn nhất. [Khi] nghe Đức Phật tán thán như vậy, vị thiện nam đó (là tiền thân của ngài Kiều Trần

Như) cũng muốn phát nguyện, cũng mong muốn tương lai được trở thành một vị Đệ tử chứng ngộ Tứ diệu đế đầu tiên của một vị Phật.

Vào lúc kết thúc thời pháp của Đức Phật (Thắng Liên Hoa), vị thiện nam ấy đi đến và nói lời thỉnh cầu: “Xin hãy thọ lãnh sự cúng dường vật thực của con vào ngày mai, bạch Đức Thế Tôn!” Đức Phật chấp nhận lời thỉnh cầu bằng cách làm thỉnh.

Khi biết rõ Đức Phật đã chấp nhận lời thỉnh mời, vị thiện nam bèn đánh lễ Ngài và trở về nhà. Suốt đêm vị này trang trí những cái ghế bằng những bông hoa thơm và cũng sửa soạn món ăn thượng vị.

Ngày hôm sau vị ấy thiết đãi Đức Phật và chúng Tăng gồm một trăm ngàn vị Tỳ-khưu tại nhà với một bữa tiệc nấu bằng gạo Sāli cùng với món cháo và những món ăn phụ khác. Khi bữa ăn đã mãn, vị ấy đặt dưới chân Đức Phật những xấp vải dày hoàn toàn mới và mềm mại được làm từ trong nước Vaṅga và số vải đủ để may ba chiếc y. Rồi vị ấy suy xét như sau: **“Ta không phải là người tầm cầu địa vị nhỏ trong giáo pháp mà là người tầm cầu địa vị lớn.** Một ngày đại thí (*mahā-dāna*) như thế này thì không đủ nếu ta phát nguyện một địa vị cao cả. Do đó ta sẽ phát nguyện địa vị ấy sau khi tổ chức đại thí trong bảy ngày liên tục”.

Tức là vị này muốn phát tâm làm một việc rất lớn, phát tâm để cầu một quả vị lớn, không phải là một vị Thanh văn bình thường mà là Đệ nhất. Cho nên [vị ấy] thấy cúng dường trong vòng một ngày không đủ, mà cúng

dường bảy ngày. Cúng dường bảy ngày xong lại bắt đầu tiếp tục. Quý vị thấy, vị ấy cho mở nhà kho chứa y phục và đặt những tấm vải tốt và mịn dưới chân Đức Phật, và cúng dường những bộ tam y đến một trăm ngàn vị Tỳ-kheo (thời đó là đông như vậy, chứ không phải như thời Đức Phật Thích Ca thì ít hơn).

Vị thiện nam cúng dường đại thí bằng cách như thế trọn bảy ngày. Khi thời gian cúng dường vật thực đã kết thúc, vị ấy cho người mở nhà kho chứa y phục và đặt những tấm vải tốt và mịn dưới chân Đức Phật và cúng dường những bộ tam y đến một trăm ngàn vị Tỳ-khưu. Rồi vị thiện nam đi đến Đức Phật và bạch rằng:

“Bạch Đức Thế Tôn, như vị Tỳ-khưu mà bảy ngày hôm trước Thế Tôn công bố là người giữ địa vị tối thắng, cầu mong cho con cũng có thể làm người đầu tiên thông đạt Tứ diệu đế sau khi mặc y trong giáo pháp của Đức Phật tương lai”. Sau khi tác bạch như vậy, vị ấy vẫn ở trong tư thế phủ phục tôn kính dưới chân Đức Phật.

Quý vị thấy phát nguyện như vậy đó, tức là tác bạch với Đức Phật là ‘con cũng mong muốn tương lai là người đầu tiên chứng ngộ đạt được Tứ diệu đế’ (tức là người đầu tiên chứng quả trong giáo pháp của một Đức Phật). Quý vị thấy vị ấy rất tuyệt vời, phát nguyện rất tốt.

Đức Phật Padumuttara trông thấy bằng nhãn quan của Ngài như vậy: “Sau một trăm ngàn đại kiếp kể từ nay, sẽ có một vị Ứng Cúng, tên là Gotama, xuất hiện một cách phi thường giữa ba loại chúng sanh.

Khi ấy nguyện vọng của vị thiện nam này sẽ được thành tựu!” Khi biết rõ như vậy, Đức Phật bèn thọ ký cho vị thiện nam ấy: **“*Này thiện nam, sau một trăm ngàn đại kiếp kể từ nay, có một vị Phật tên là Gotama sẽ xuất hiện trong ba cõi. Khi Đức Phật thuyết bài pháp đầu tiên ‘Chuyên pháp luân’; vào lúc kết thúc bài pháp, kinh Dhammacakkappavattana với ba phạm sự của nó, người cùng với 18 koti Phạm thiên sẽ được an trú trong quả thánh Nhập lưu (sotāpatti-phala)*”**.

[Đức Phật Thắng Liên Hoa] đã thọ ký cho vị này là 100.000 Đại kiếp (100.000 ngàn Đại kiếp rất là lâu, một Đại kiếp là tính khi Trái đất này sinh ra rồi hoại đi, mà 100.000 lần như vậy luôn). Như vậy một vũ trụ mà sanh diệt 100.000 lần như vậy, rồi mới tới thời Đức Phật Thích Ca. Quý vị thấy lâu như vậy, vị này mất thời gian như vậy mới trở thành một vị A-la-hán bậc nhất về chứng ngộ đầu tiên. Thọ ký lúc đó, quý vị thấy có tới 18 koti Phạm thiên cũng chứng được quả Dự lưu đầu tiên (quả Tu-đà-hoàn), rất nhiều!

Đó là câu chuyện quá khứ, bây giờ chúng ta cũng thấy thêm một chuyện tiền thân nữa:

b) Tiền thân Mahākāla vào thời Đức Phật Tỳ-Bà-Thi (91 kiếp trước).

Sau khi làm các việc phước như bố thí trong một thời gian dài đến một trăm ngàn năm, vị thiện nam giàu có ấy tái sanh vào cõi chư thiên sau khi thân hoại mạng chung. Trong khi vị ấy trải qua thời gian

sanh tử giữa cõi người và cõi chư thiên, thì 99.909 đại kiếp đã trôi qua. (Tức là vị ấy **hưởng dụng lạc chỉ trong những kiếp sống làm người và chư thiên mà không hề sanh vào bất cứ khổ cảnh nào trải qua 99.909 đại kiếp**).

Quý vị thấy không ạ? Phát nguyện đó và phước đức đó lớn như vậy. Vị đó (tức là tiền thân của ngài Kiều Trần Như) làm phước một lần vậy thôi, mà quý vị thấy phước đã không? Tức là 99.909 Đại kiếp trôi qua mà chỉ ở cõi Người, cõi Trời thôi. Phước lớn như vậy đó, cho nên làm phước cũng rất quan trọng nha! Quý vị thấy 100.000 Đại kiếp trừ đi 91 kiếp, là thành ra 99.909 Đại kiếp.

Sau khi sống trải qua một thời gian dài như vậy, thì 91 đại kiếp tính lùi từ Hiền kiếp này, vị thiện nam ấy sanh vào trong gia đình của một gia chủ và có tên là Mahākāla trong một ngôi làng gần cổng của kinh thành Bandhumati. Người em trai của vị ấy tên là Cūlakāla.

Lúc bấy giờ, có Đức Phật Vipassī (Tỳ-Bà-Thi) xuất hiện ở Thế gian.

Gia chủ Mahākāla muốn cúng dường nhưng người em Cūlakāla không đồng ý, nên đã chia đôi tài sản của mỗi người, rồi Gia chủ Mahākāla cúng dường cho Tăng đoàn với Đức Phật Tỳ-Bà-Thi dẫn đầu.

[Quý vị thấy], nếu kể như thế này thì [ngài ấy] cũng không thấy gặp thêm Đức Phật nào khác, mà chỉ gặp Đức Phật Tỳ-Bà-Thi thôi. Tức là trong Đại Phật Sử chỉ ghi nhận như vậy, ở 91 kiếp trước.

c) Đời sống Sa-môn trong kiếp chót.

Gia chủ có giới đức Mahākāla đã làm các việc phước bằng cách này suốt cuộc đời, và vị ấy tái sinh trở đi trở lại trong các cõi chư thiên và nhân loại, hưởng các dục lạc của cõi người và cõi chư thiên.

Quý vị thấy không ạ? Tức là trong 100.000 Đại kiếp trôi qua, ngài Kiều Trần Như là không có đọa đường nào khác, không đọa đường ác. Ngài chỉ ở cõi Người và cõi Trời, phước lớn như vậy. Cho nên [chúng ta] cố gắng, chưa ra khỏi sanh tử thì làm phước lớn nha! Tâm như vậy thì cũng rất tốt, rất là vui sướng, chứ còn không, đọa vào đường ác là sợ lắm.

Khi Đức Phật Thích Ca của chúng ta sắp xuất hiện trong thế gian, thì vị ấy tái sinh vào một gia đình Bà-la-môn giàu có trong ngôi làng Bà-la-môn Doṇavatthu, gần kinh thành Kapilavatthu (Thành Ca-tỳ-la-vệ). Vào ngày đặt tên của vị ấy, cậu bé Bà-la-môn được đặt tên là Koṇḍañña (Kiều Trần Như). Trong khi đang được nuôi dưỡng như vậy, cậu ta được dạy về Tam Phệ Đà và đã hoàn thành môn học tướng của bậc đại nhân.

Lúc bấy giờ Đức Phật tương lai của chúng ta mạng chung tử cung trời *Tusitā* (Đâu suất Đà) và thọ sanh trong bào thai của Mahāmāyā,

Chánh hậu của vua Suddhodāna (Tịnh Phạn) của nước Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ).

Vào ngày đặt tên, đức vua đã ban tặng cho một trăm lẻ tám vị Bà-la-môn những bộ y phục hoàn toàn mới và thiết đãi họ món cơm sữa ngọt. Vị ấy chọn ra tám vị Bà-la-môn thông minh nhất và sắp xếp để họ ngồi theo thứ tự trong sân triều. Sau đó đức vua truyền lệnh đưa Thái tử Bô-tát, được đặt nằm trên tấm vải lụa trắng, đến trước các vị Bà-la-môn để họ xem tướng trên thân của Thái tử.

Quý vị thấy, Thái tử Bô-tát là Thái tử Sĩ Đạt Đa đó, lúc đó Ngài chưa thành Phật, thì được Vua cha Tịnh Phạn [trong ngày đặt tên Ngài] cho tám vị [Bà-la-môn thông minh nhất] coi tướng.

Vị Bà-la-môn ngồi ghế đầu tiên trong tám vị, bèn đưa hai ngón tay và tiên tri rằng: “*Nếu cậu bé sống cuộc đời tại gia thì sẽ trở thành vị Chuyển luân vương. Nếu sống cuộc đời Sa-môn thì nhất định vị ấy sẽ trở thành một vị Phật trong ba cõi!*”

Cả bảy vị Bà-la-môn đầu tiên đều tiên tri như vậy, mỗi vị đều đưa lên hai ngón tay. Trong tám vị Bà-la-môn ấy, chàng trai Koṇḍañña là trẻ nhất. Khi đến phiên vị ấy tiên tri, vị ấy nghiên cứu rất kỹ các tướng trên thân và (sau khi suy nghiệm rằng người mà sẽ trở thành vị Chuyển luân vương thì không có tướng đại nhân trên hai bàn chân, nhưng cậu bé này có tướng ấy trên cả hai bàn chân), Koṇḍañña bèn đưa lên chỉ một ngón tay, dũng dạc tiên tri rằng: “*Tuyệt đối không có*

lý do gì để Thái tử sống giữa thế tục. Thái tử nhất định sẽ trở thành một vị Phật!

Quý vị thấy khả năng tiên tri của ngài Kiều Trần Như cũng rất tuyệt vời. Ngài là Bà-la-môn mà, ngài học hết 32 tướng của đại nhân rồi, thì ngài phân biệt, bảy vị kia tiên đoán là Thái tử *Siddhattha* (Tất Đạt Đa) có hai con đường: hoặc là ở nhà thì làm Chuyển luân vương, còn nếu đi xuất gia thì làm Phật. Nhưng ngài Kiều Trần Như thì tiên đoán chỉ có làm Phật thôi. Tại vì có tướng [đại nhân trên] hai bàn chân luôn, chứ không phải một bàn chân.

Sau đó các Bà-la-môn thông thái trở về nhà và gọi những đứa con trai của họ đến căn dặn rằng: ***“Này các con, chúng ta đã lớn tuổi rồi. Chúng ta có thể hoặc không thể sống đến lúc Thái tử Siddhattha, con trai của vua Suddhodāna (Tịnh Phạn), chứng đắc Phật quả. Khi Thái tử thành Phật thì các con nên xuất gia làm Sa-môn trong giáo pháp của vị ấy”***.

Quý vị thấy, nghe rất hay đúng không ạ? Các vị Bà-la-môn cũng rất tôn kính đối với một vị Phật, dặn dò rằng: Mình thì lớn tuổi rồi, nhưng các con trai, nhớ là sau này, Thái tử *Siddhattha* mà chứng đắc Phật quả, thì các con nên xuất gia làm Sa-môn trong giáo pháp của vị đấy. Quý vị thấy hay không ạ? Hồi xưa người ta cũng rất cung kính đối với Phật.

Chúng ta tiếp tục:

Trong thời gian Phật tương lai xuất gia, tất cả các vị Bà-la-môn thông thái ngoại trừ Koṇḍañña (Kiều Trần Như) đều đã mạng chung. (Tức là bảy vị kia qua đời hết rồi, có mỗi ngài Kiều Trần Như là trẻ nhất thôi). Riêng vị Bà-la-môn Koṇḍañña trẻ nhất vẫn còn khỏe mạnh. Khi nghe tin Bồ-tát đã xuất gia, vị ấy đến viếng thăm các con trai của những vị Bà-la-môn đã quá vãng và nói rằng: “*Nghe nói rằng Thái tử Siddhattha đã trở thành Sa-môn. Chắc chắn Thái tử sẽ chứng đắc Phật quả. Nếu cha của các con còn sống thì họ sẽ đi xuất gia ngay hôm nay. Hãy xuất gia nếu các con muốn như vậy. Chúng ta hãy trở thành những Sa-môn theo gương bậc Đại nhân ấy*”.

Nhưng bảy đứa con trai không thống nhất trong chí nguyện của họ: ba người không thích ý tưởng này. Chỉ bốn người còn lại đáp y xuất gia dưới sự hướng dẫn của Koṇḍañña.

Quý vị thấy khó không ạ? Tuy là cha đã dặn rồi, mai một vị đó đi xuất gia thì nhớ đi xuất gia theo tu học (tại vị đó thành Phật). Nhưng sau khi cha chết rồi, bây giờ còn ngài Kiều Trần Như sống thôi, quay lại nói với bảy người con trai của bảy vị kia, thì họ cũng không thống nhất. Ba người không thích đi, không thích điều đó. Có bốn người đi theo, nên thành ra là năm người. Sau này, chúng ta biết hay gọi là năm anh em Kiều Trần Như đó quý vị. Ở đây chính là như vậy.

Sau khi trở thành Sa-môn, nhóm năm vị Đạo sĩ (*Pañca-vaggī*) đi khất thực trong các ngôi làng, châu quận và các kinh thành và cuối

cùng đến nơi ở của Bồ-tát (tức là nơi của ngài Tất Đạt Đa (Siddhartha)). Trong khi Bồ tát thực hành khổ hạnh trong sáu năm, thì họ nuôi dưỡng hy vọng to lớn là: *“Vị ấy sẽ sớm thành Phật! Vị ấy sẽ sớm chứng đắc quả Phật!”*

Khi suy nghĩ như vậy, họ hầu hạ phục vụ Đức Phật tương lai, cùng ở chung và đi đây đó với Ngài.

Chúng ta coi trong Phật sử thì mới nghe được đầy đủ như vậy, đúng không ạ? Chứ còn không thì mình cũng không biết tại sao. Năm anh em Kiều Trần Như, thật ra đâu phải là năm anh em đâu. Mình nghe nói như vậy, nhưng đâu phải là anh em, mà anh em theo nghĩa là xuất gia chung. Thật ra vai trò thì không phải.

d) Sự chứng ngộ pháp vô song

Sau khi Đức Phật thành đạo, Ngài quán sát nhân duyên đặc độ của chúng sanh, Ngài lên đường đi đến khu rừng Nai ở Isipatana và đến tại chỗ ngụ của nhóm năm vị Sa-môn. Các vị Sa-môn nhìn thấy Đức Phật đang đến và họ đồng ý với nhau là không làm phận sự đón tiếp, nhưng khi Đức Phật đang tiến đến gần hơn thì họ không thể giữ được thỏa thuận ban đầu, người thì cầm lấy bát và y từ Đức Phật, vị thì sửa soạn chỗ ngồi, vị khác thì mang nước cho Ngài rửa chân; vị thứ tư rửa chân cho Ngài, và vị thứ năm cầm cái quạt bằng lá để quạt cho Ngài. Như vậy họ đã làm những công việc phục vụ đến Đức Phật.

Trong đoạn này, chúng ta thấy là tóm tắt phải không ạ? Mới đầu thấy Ngài bỏ [việc] khổ hạnh nên không có theo nữa, kêu là không có chào đón nữa. Nhưng khi Ngài tới, họ nhìn thấy oai nghi rồi, nên chào đón và đối xử rất đặc biệt, phục vụ Đức Phật.

Khi năm vị Sa-môn đã ngồi xuống gần Đức Phật sau khi làm xong phận sự, Đức Phật thuyết giảng bài Kinh Chuyển Pháp Luân (*Dhammacakka-pavattana sutta*) có ba phận sự đến năm vị Sa-môn, Tôn giả Koṇḍañña (ngài Kiều Trần Như) là người dự thính chủ yếu trong nhóm.

Lúc bấy giờ Đức Phật suy nghĩ rằng: “Vì Đạo sĩ Koṇḍañña là người đầu tiên thông đạt Tứ Thánh Đế mà Ta đã đem đến với hàng ngàn sự khó khăn, nên vị ấy xứng đáng nhận được cái tên là Añña Koṇḍañña” (bên Bắc truyền dịch là A-nhã Kiều Trần Như).

Như vậy Tôn giả Kiều Trần Như trở thành bậc thánh Nhập lưu (Sơ quả Tu-đà-hoàn) vào ngày rằm tháng Āsāḷha. Vào ngày 16, Trưởng lão Bhaddiya (Bạt-đề) cũng đắc quả thánh Nhập lưu; ngày 17, đến Trưởng lão Vappa, ngày 18, đến phiên Trưởng lão Mahānāma, ngày 19, đến lượt Trưởng lão Assaji (Mã-thắng) (Tỳ-kheo Mã Thắng, sau này chúng ta biết là ngài này độ ngài Xá Lợi Phất), đến ngày 20, vào lúc kết thúc bài pháp Kinh Vô Ngã Tướng (*Anatta-lakkhana Sutta*), tất cả nhóm năm vị đều an trú trong thánh quả A-la-hán (*arahatta-phala*). Lúc bấy

giờ trong cõi nhân loại có tất cả sáu vị La-hán: Đức Phật và nhóm năm vị trưởng lão.

Quý vị thấy, chúng ta học như thế này thì mới thấy rõ đúng không ạ? Đây là trong Đại Phật Sử ghi nhận. Như vậy ngài Kiều Trần Như sở dĩ được Đệ nhất [tốc chứng], rồi chứng ngộ đầu tiên là chứng quả Dự lưu, sau đó các vị kia cũng chứng quả Dự lưu, một hồi sau đó mới chứng hết (tới bài Kinh Vô Ngã Tướng thì mới chứng quả A-la-hán). Mới đầu, [khi Đức Phật giảng] bài Kinh Chuyển Pháp Luân thì chứng quả Dự lưu (tức là Tu-đà-hoàn) thôi.

Quý vị thấy rất là tuyệt vời! Như vậy [là do] hạnh nguyện, có ai phát nguyện như vậy không? Có ai phát nguyện tương lai sẽ thành một vị Đệ nhất tốc chứng, hay là Đệ nhất chứng đắc đầu tiên trong vị Phật không? Nếu căn cứ ở đây, chúng ta thấy là mất 100.000 Đại kiếp, nghe nói như vậy thì sợ hết rồi, đúng không ạ? Tu không biết được bao lâu rồi, mà bây giờ nguyện [thì mất] 100.000 Đại kiếp nữa, thôi sợ quá. Chúng ta không biết, nên thôi chúng ta nguyện là mau chứng quả giải thoát, sớm ngày nào tốt ngày đó. Ai cũng nguyện như vậy là tốt.

Hôm nay giới thiệu cho quý vị một câu chuyện như vậy để quý vị hiểu thêm về một vị Đệ tử Phật, đó là ngài Koṇḍañña (hay là ngài Kiều Trần Như). Dần dần, chúng ta sẽ giới thiệu nhiều hơn. Vì [để] mình học có một căn bản về Phật giáo, mình hiểu không chỉ pháp hành, mà còn hiểu về lịch sử, hiểu về các vị Tôn giả, v.v... Thì chúng ta sẽ có niềm tin bất hoại tịnh

đối với Phật, Pháp, Tăng (Tam Bảo). Hay là bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng và bất hoại tịnh đối với Thánh giới. Vì mình hiểu rồi thì mình mới có niềm tin được, chứ còn mình tin một cách mơ hồ thì cũng khó, phải không ạ? Phần đầu tiên là như vậy.

Hôm nay, chúng ta sẽ vào phần thực hành. Phần thứ hai, đó là:

Đức Phật Dạy Bồ Thí Cần Phải Tác Ý Thế Nào?

So Sánh Công Đức Của Bồ Thí Các Đối Tượng

(Theo Kinh Tăng Chi Bộ)

Bài kinh này cũng rất hay, chúng ta cùng học nha!

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvathī, tại Jetavana, vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anāthapiṇḍika đang ngồi xuống một bên:

- Này Gia chủ, ông có bồ thí trong gia đình của ông không?

- Bạch Thế Tôn, trong gia đình của con có bồ thí, nhưng chỉ có món ăn thô tẻ làm bằng hạt gạo bẻ, và cháo chua.

Quý vị thấy, câu chuyện của bài kinh này là Đức Phật thuyết với ông Trưởng giả Anāthapiṇḍika (tức là ông Cấp Cô Độc). [Ngài] hỏi là: ‘Ông có

bổ thí không?’ Thì ông nói là bổ thí món ăn thô tẻ làm bằng hạt gạo bẻ, và cháo chua thôi. Tức là lúc này ông cũng nghèo. Đức Phật nói thế nào?

- Nay **Gia chủ, đầu bổ thí các món thô hay tẻ**, (đầu tiên, Đức Phật nói dù mình bổ thí đồ ngon hay không ngon, quan trọng là mình bổ thí như thế nào? Với tâm như thế nào? Thì quý vị để ý:) **nếu (1) bổ thí không cẩn thận, (2) bổ thí không có chú tâm, (3) bổ thí không tự tay mình, (4) bổ thí những vật quăng đi, (5) bổ thí không có nghĩ đến tương lai; chỗ nào, chỗ nào, sự bổ thí ấy sanh quả dị thực, thời (1) tâm không thiên về thưởng thức các món ăn thù diệu, (2) tâm không thiên về thưởng thức y áo thù diệu, (3) tâm không thiên về thưởng thức các cỗ xe thù diệu, (4) tâm không thiên về thưởng thức năm dục công đức thù diệu. (5) Và các người con, hay vợ, hay những người phục vụ, hay những người đưa tin, hay những người làm công, họ không có khéo nghe, họ không có lóng tai, họ không có an trú tâm hiểu biết. Vì sao? Nay **Gia chủ, như vậy là quả dị thực của các nghiệp làm không có cẩn thận.****

Bây giờ quý vị hiểu rồi, đúng không ạ? Đọc đoạn vừa rồi hơi dài, nhưng chúng đọc cho hết đoạn, rồi đọc lại lần nữa. Khi bổ thí, đầu tiên Đức Phật nói không quan trọng là đồ ngon hay là đồ dở, đồ nhiều hay ít (nói chung là không có quan trọng), mà quan trọng là ở tâm. Ở đây, Đức Phật nói: Nếu bổ thí thì có 5 điều:

1. Bổ thí không cẩn thận.

2. *Bố thí không có chú tâm*: tức là tâm của mình lơ đãng. Ví dụ như mình chỉ bố thí thôi, chứ không [có để tâm đến].

3. *Bố thí không có tự tay mình*: tức là mình nhờ người khác bố thí, mà mình không tự bố thí.

4. *Bố thí những vật quăng đi*: tức là mình có đồ gì đó mà mình không xài đến [thì] mình cho.

5. *Bố thí không có nghĩ đến tương lai; chỗ nào, chỗ nào, sự bố thí ấy sanh quả dị thực*. Tức là mình bố thí mà không có tác ý về nghiệp khi bố thí.

Nếu bố thí như vậy thì sanh ra 5 điều (chữ ‘thời’ này là ngài Minh Châu viết theo [người] miền Nam, thời có nghĩa là thì):

1. *Tâm không thiên về thưởng thức các món ăn thù diệu*. Tức là sau này tự nhiên không được những món ăn ngon hoặc là mình không thích những món ăn ngon, không được như vậy.

2. *Tâm không thiên về thưởng thức y áo thù diệu*. Tức là sau này mình cũng không được quần áo ngon lành.

3. *Tâm không thiên về thưởng thức các cỗ xe thù diệu*. Tức là sau này, phương tiện đi lại cũng không tốt.

4. *Tâm không thiên về thưởng thức năm dục công đức thù diệu*. Tức là cũng không được hưởng năm điều trên năm công đức của dục. Công đức của dục là gì? Chữ ‘dục’ ở đây không phải là theo ý nghĩa của Trung Quốc

nha, mà nói theo trong kinh Nguyên thủy, thì dục là những gì dễ chịu về mắt, những gì dễ chịu về tai (nghe âm thanh hay), những dễ chịu về mùi hương, những dễ chịu về xúc chạm, những dễ chịu về món ăn. Đó là năm dục công đức.

5. Và các người con, hay vợ, hay những người phục vụ, hay những người đưa tin, hay những người làm công, họ không có khéo nghe, họ không có lắng tai, họ không có an trú tâm hiểu biết. Điều thứ năm là sau này vợ con, những người làm cho mình (hoặc là làm công hoặc là làm chức vụ thấp hơn) thì họ không nghe lời mình. Hoặc là họ nghe, nhưng tâm họ không có an trú được, không có chú ý, nói chung là họ dờ.

Cho nên sự bố thí, quý vị thấy không ạ? Phải làm cho đúng, còn nếu không làm đúng thì không được. Đức Phật nói vì sao:

Vì sao? Đây Gia chủ, như vậy là quả dị thực của các nghiệp làm không có cẩn thận.

Cho nên bố thí cũng phải làm cho cẩn thận. Điều này khác [với chư tổ Trung Hoa dạy], quý vị thấy không ạ? Nếu chúng ta chưa hiểu lắm thì chúng ta nghe lại đoạn sau, Đức Phật nói lại điều đó, nhưng nói ngược lại:

Này Gia chủ, đầu có bố thí các món thô hay tế, nếu (1) bố thí có cẩn thận, (2) bố thí có chú tâm, (3) bố thí tự tay mình, (4) bố thí những vật không quăng bỏ đi, (5) bố thí có nghĩ đến tương lai; chỗ nào, chỗ nào, sự bố thí ấy sanh quả dị thực, thời (1) tâm thiên về thưởng thức

các món ăn thù diệu, (2) tâm thiên về thưởng thức y áo thù diệu, (3) tâm thiên về thưởng thức các cỗ xe thù diệu, (4) tâm thiên về thưởng thức năm dục công đức thù diệu. (5) Và các người con, hay vợ, hay những người phục vụ, hay những người đưa tin, hay những người làm công, họ có khéo nghe, họ có lóng tai, họ có an trú tâm hiểu biết. Vì sao? Này Gia chủ, như vậy là quả dị thực của việc làm có cẩn thận.

Cho nên ở đây, bố thí phải có năm điều. Tức là Đức Phật nói, [thứ nhất], dầu có bố thí các món ăn hay đồ đạc nhiều hay ít, chất lượng hay không chất lượng, không quan trọng, mà bố thí phải cẩn thận. Chứ mình không thể cầu thả, làm cho xong chuyện, không phải.

[Thứ hai] là bố thí phải có chú tâm. Cho nên khi bố thí thì phải chú tâm, chứ không phải lơ đãng, thấy người ta bố thí thì thôi, đưa ngiễn cho xong, hoặc là làm mà không có để ý tới. Giống như gặp người ăn xin, thôi cho đại cho rồi, không có quan tâm, không chú tâm.

Ba là tự tay mình bố thí. Tức là phải tự mình bố thí chứ không sai người khác bố thí, thì sẽ giảm mất công đức.

Thứ tư là bố thí những vật không quăng bỏ đi. Tức là [bố thí] những gì mình đang dùng, mình có, chứ những gì mà không dùng tới, ví dụ nhiều khi quý vị thấy những người buôn bán, có những món đồ mà sắp bỏ rồi thì họ đem bố thí. [Như vậy] thì phước không [lớn]. Vì bây giờ sắp bỏ rồi, nhiều khi mình không dùng nữa. Hoặc là quý vị có chiếc điện thoại, quý vị cho người khác, mà quý vị nói: “Thôi bỏ đi cho rồi, mình mua chiếc điện

thoại mới'. Quý vị mua chiếc điện thoại mới rồi, quý vị cho chiếc điện thoại đó đi, thì phước của quý vị không lớn. Nếu quý vị bỏ thí đồ mình đang dùng hoặc tiền của mình v.v... thì mới [được] vậy.

[Điều thứ] năm: Bồ thí có nghĩ đến tương lai; chỗ nào, chỗ nào, sự bồ thí ấy sanh quả dị thực. Tức là phải nghĩ đến nghiệp. Nghĩ đến nghiệp là mình nghĩ đến tương lai, sau này quả đó sẽ trở ra như thế nào đó.

Như vậy mình mới được năm điều, đó là: Thưởng thức các món ăn thù diệu, thưởng thức y áo thù diệu,... Nói chung là được đồ ăn ngon; được y áo tốt; được các phương tiện đi lại tốt (cỗ xe thù diệu); thứ tư là được hưởng năm món dục về sắc, thanh, hương, vị, xúc; và năm là những người con, người vợ, hay là những người phục vụ (những người làm cho mình) thì họ sẽ khéo nghe (tức là họ biết nghe lời), họ giỏi nữa, có lông tai, có an trú tâm hiểu biết.

Cho nên, quý vị thấy điều này không giống với Đại thừa, đúng không ạ? Đại thừa thì nói là 'Tam luân Thể không'. Đó là do Trung Hoa phát minh, chứ thực tế, Đức Phật dạy là khi bồ thí phải có tâm cẩn thận, bồ thí phải chú tâm, bồ thí phải tự tay mình làm, không [nên] bồ thí những món đồ mình bỏ đi (vì nếu bồ thí những món mình bỏ đi thì phước nhỏ), rồi bồ thí phải nghĩ đến quả tương lai, chỗ nào, chỗ nào có thể trở ra như thế nào đó. Tức là mình muốn [quả] trở như thế nào theo ý mình, giống như bồ thí, mong được người ta có phước này phước kia. Cho nên đâu phải là 'Tam luân Thể không' đâu, quý vị thấy không ạ? Cho nên mình học kinh Nguyên

thủy là mình thấy khác. Nếu mà ‘Tam luân Thế không’ thì rớt vào trường hợp trên mất rồi, thì sẽ không được kết quả tốt. Cho nên học Chánh kinh rất quan trọng, người đời sau thì họ nghĩ như vậy thôi, chứ Phật không nói vậy.

Như vậy, chúng ta hiểu được năm điều [trên] rồi nha. Cố gắng, bố thí phải cẩn thận, bố thí chú tâm, tự mình bố thí, bố thí không phải những vật mình bỏ đi, bố thí có nghĩ đến quả của nghiệp về tương lai. Thì mình sẽ được năm điều đó.

Đó là đoạn thứ nhất. Bây giờ chúng ta tới đoạn thứ hai. Nếu quý vị nghe bấy nhiêu đó là đủ để thực hành rồi đó. Giờ đoạn thứ hai này thì có vấn đề hay hơn.

Thuở xưa, này Gia chủ, có một vị Bà-la-môn tên là Velāma (Đức Phật kể về quá khứ). Vị ấy bố thí rộng lớn như sau: Vị ấy bố thí 84.000 bát bằng vàng đựng đầy bạc. Vị ấy bố thí 84.000 bát bằng bạc đựng đầy vàng. Vị ấy bố thí 84.000 bát bằng đồng đựng đầy châu báu. Vị ấy bố thí 84.000 con voi với đồ trang sức bằng vàng, với các ngọn cờ bằng vàng, bao trùm với những lưới bằng chỉ vàng và 84.000 cỗ xe, được trải với da sư tử, được trải với da cọp, được trải với da báo, được trải với mền màu vàng, với những trang sức bằng vàng, với các ngọn cờ bằng vàng, bao trùm với những lưới bằng chỉ vàng. Vị ấy bố thí 84.000 con bò sữa, cột bằng những sợi dây gai mịn với những thùng sữa bằng bạc. Vị ấy bố thí 84.000 thiếu nữ, trang sức với những

bông tai bằng châu báu. Vị ấy bố thí 84.000 giường nằm trải nệm bằng len thêu bông, nệm bằng da con sơn dương gọi là kadali, tấm khăn với lều che phía trên, có đầu gối chân màu đỏ hai phía. Vị ấy bố thí 84.000 thước vải, bằng vải gai mịn màng nhất, bằng vải lụa mịn màng nhất, bằng vải len mịn màng nhất, bằng vải bông mịn màng nhất. Và ai có thể nói về các đồ ăn, đồ uống, loại cứng, loại mềm, các loại đồ ăn nếm và các loại nước đường. "Chúng tôi nghĩ chúng chảy như dòng sông".

Quý vị thấy, đoạn vừa rồi nói bố thí rất nhiều thứ, đúng không ạ? Nói tóm lại là ông Velāma bố thí rất nhiều, bây giờ mình chỉ cần biết là [Ông bố thí] vàng, bạc, đủ loại... là được rồi, đại ý là bố thí rất nhiều.

Tiếp theo, Đức Phật nói:

Có thể, này Gia chủ, ông nghĩ: "Có thể Bà-la-môn Velāma là một người nào khác, vị đã bố thí một cách rộng lớn như vậy". Này Gia chủ, chớ có nghĩ như vậy. Chính lúc ấy, **Ta là Bà-la-môn Velāma**, chính Ta đã bố thí rộng lớn ấy. (Tức là Đức Phật kể lại quá khứ. Thật ra Đức Phật là người bố thí rộng lớn đó, bố thí đã luôn quý vị ha! Quá nhiều thứ, cái nào cũng vậy. Nhưng bố thí đó như thế nào, thì Đức Phật nói tiếp) **Nhưng này Gia chủ, khi bố thí ấy được cho, không có một ai xứng đáng để nhận bố thí. Không có một ai làm cho thanh tịnh bố thí ấy.**

Đoạn này liên hệ đến bài trước, hình như cũng chia sẻ cho quý vị rồi. Bố thí phải thành tựu được ba điều: tức là vật thí, người cho và người

nhận. Ở đây, Đức Phật nói: Tuy là bố thí như vậy, vật thí thì đầy đủ quá rồi, người cho cũng ngon quá rồi, nhưng không có một ai xứng đáng để nhận bố thí ấy. Không có một ai có thể làm cho thanh tịnh bố thí ấy, tức là đối tượng nhận không có xứng đáng. Tức là không có có bậc Thánh nhân nào nhận hết, toàn là người phàm không à. Cho nên, việc bố thí đó của tiền thân Đức Phật, tuy là bố thí nhiều của cải như vậy, nhưng phước không được lớn lắm. Đoạn này là nối tiếp của đoạn sau, chúng ta phải nghe đoạn sau thì chúng ta mới hiểu.

Này Gia chủ, dầu (1) Bà-la-môn Velāma bố thí có rộng lớn, (2) **nếu có ai bố thí cho một người Chánh kiến, bố thí này lớn hơn quả lớn kia.** (Tức là Đức Phật nói ông Velāma (tiền thân của Đức Phật), tuy là bố thí nhiều như vậy, quá trời, [nào là]: 84.000 mâm vàng, bạc, đồng, đủ voi, thiếu nữ, đủ các loại, đồ ăn chảy như nước sông vậy đó. Nhưng bố thí như vậy thua bố thí cho một người Chánh kiến. Tại vì sao? Vì người Chánh kiến là người Tu-đà-hoàn. Người thành tựu Chánh kiến là Tu-đà-hoàn nha quý vị. Tu-đà-hoàn rồi thì quá là tuyệt vời! Cho nên bố thí cho dù nhiều, nhưng không gặp đối tượng ngon lành thì thua. Cho nên bố thí cho một vị Tu-đà-hoàn thì được quả báo lớn hơn).

Chưa hết, Đức Phật nói tiếp:

Này Gia chủ, dầu Bà-la-môn Velāma bố thí có rộng lớn và (3) **có ai bố thí cho 100 người Chánh kiến, và có ai bố thí cho một vị Nhất lai, bố thí này quả lớn hơn bố thí kia.** (Tức là nếu bố thí cho vị Bà-la-

môn đó thì thua bố thí cho một vị Chánh kiến (tức là vị Sơ quả Tu-đà-hoàn). Nếu ai bố thí cho 100 người Chánh kiến (tức là 100 vị Sơ quả Tu-đà-hoàn) thì không bằng bố thí cho một vị Nhất lai. Nhất lai tức là một lần đến cõi Dục nữa thôi, quý vị nhớ không ạ? Nhất lai là Nhị quả Tư-đà-hàm. Cho nên bố thí cho 100 người Tu-đà-hoàn vẫn thua bố thí cho một người Tư-đà-hàm. Ý của đoạn này như vậy thôi).

Này Gia chủ, dầu cho Bà-la-môn Velāma bố thí rộng lớn, (4) **và có ai bố thí cho 100 người Nhất lai, và có ai bố thí cho một vị Bất lai, bố thí này quả lớn hơn bố thí kia.** (Tức là nếu bố thí cho 100 người Nhị quả Tư-đà-hàm cũng không bằng bố thí cho một người A-na-hàm (Bất lai là A-na-hàm). Quý vị thấy so sánh theo từng bậc. Bài này cũng nên đưa vào phần so sánh công đức).

Này Gia chủ, dầu Bà-la-môn Velāma bố thí có rộng lớn, và (5) **có ai bố thí cho 100 vị Bất lai, và có ai bố thí cho một vị A-la-hán, bố thí này quả lớn hơn bố thí kia.** (Quý vị thấy tiếp theo là bố thí cho 100 người quả Bất lai (quả A-na-hàm). Bất lai là người ta không trở lại cõi Dục nữa, sanh ít nhất vào trời Sơ thiên trở đi, còn không thì bình thường sanh vào Ngũ Bất Hoàn thiên, cho nên gọi là Bất lai. Bố thí cho 100 người như vậy cũng không bằng bố thí một vị A-la-hán. Bố thí cho A-la-hán thì công đức lớn hơn. Đây là so sánh các tầng công đức bố thí).

Này Gia chủ, dầu Bà-la-môn Velāma bố thí có rộng lớn hơn, và (6) **có ai bố thí cho một vị A-la-hán, và có ai bố thí cho một vị Độc Giác**

Phật, bồ thí này quả lớn hơn bồ thí kia. (Ở đây so sánh là bồ thí cho một vị A-la-hán thì không bằng bồ thí cho một vị Độc Giác. Quý vị thấy, [bồ thí cho] Phật Độc giác thì phước lớn hơn A-la-hán. Chứ không phải như mình nghĩ A-la-hán và Độc Giác là như nhau, không phải).

Này Gia chủ, dầu cho Bà-la-môn Velāma bồ thí có rộng lớn và **(7) có người bồ thí cho 100 vị Độc Giác Phật, có ai bồ thí cho Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, bồ thí này quả lớn hơn bồ thí kia.** (Quý vị để ý chỗ hồi nãy cho kỹ, là so sánh [bồ thí cho] 100 vị Phật Độc Giác với bồ thí cho 1 vị Phật Chánh Đẳng Giác là Như Lai, thì phước của Như Lai (phước của Phật) hơn 100 vị Độc Giác luôn. Nhưng chỗ A-la-hán và Độc giác Phật, thì chỉ so sánh 1-1 thôi, không có nói là một vị Độc Giác Phật hơn 100 vị A-la-hán nha. Đây là 1 vị với 1 vị, không phải [so sánh] 1 vị với 100 vị, không phải như vậy).

Này Gia chủ, dầu cho Bà-la-môn Velāma bồ thí có rộng lớn, và **(8) có ai bồ thí cho chúng Tỷ-kheo với Đức Phật là vị thượng thủ, và có ai xây dựng một tịnh xá cho chúng Tăng trong bốn phương... và có ai với tâm tịnh tín qui y Phật, Pháp và Tăng, và có ai với tâm tịnh tín chấp nhận học pháp, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ không đắm say rượu men, rượu nấu... Và có ai với tâm tịnh tín, chấp nhận học pháp... từ bỏ không đắm say rượu men, rượu nấu, và ai tu tập từ tâm giải thoát,**

cho đến trong khi khoảnh khắc vắt sữa bò, bồ thí này quả lớn hơn bồ thí kia.

Quý vị thấy, ở đây tiếp tục nói là bồ thí cho một vị Phật chữa bằng bồ thí cho Phật cùng với Tăng đoàn, xây tịnh xá. Tiếp theo là bồ thí cho chúng Tăng du phương. Bài kinh này chúng ta thấy quen quen, ai mà học với Thiện Trang thì chúng ta biết rồi, ở bài Tại Gia Luật Yếu Quảng Tập có bài kinh nói rõ hơn, là so sánh tiếp, bồ thí như vậy thì chữa bằng người quy y Tam Bảo. Quy y Tam Bảo thì phước lớn hơn bồ thí như vậy, nên quy y Tam Bảo phước lớn. Rồi quy y Tam Bảo phước không lớn bằng không chỉ quy y Tam Bảo mà còn thọ giới. Rồi người thọ giới [thì phước] thua người có từ tâm giải thoát trong một khoảnh khắc vắt sữa bò thôi. Tu được tâm từ, giải thoát, nghĩ đến chúng sanh, tâm từ thôi mà phước lớn như vậy đó. Như trong bài kinh, quý vị thấy Đức Phật tu tâm từ 7 năm mà bao nhiêu kiếp thành kiếp hoại, Ngài được đến 1.000 lần làm Chuyển luân Thánh vương, 36 hay 37 lần làm vua trời Đế Thích v.v... Bao nhiêu kiếp thành, bao nhiêu kiếp hoại mà Ngài được như vậy. Cho nên tu tâm từ phước lớn hơn. Cho nên mình thấy đây là bài kinh so sánh tầng phước, so sánh tầng công đức.

Này Gia chủ, dầu cho Bà-la-môn Velāma bồ thí có rộng lớn, (9) có ai bồ thí một vị đầy đủ Chánh kiến... và có ai bồ thí cho 100 vị đầy đủ Chánh kiến... và có ai bồ thí một vị Bất lai... và có ai bồ thí trăm vị Bất lai, và có ai bồ thí một vị A-la-hán... và có ai bồ thí trăm vị A-la-

hán... và có ai bố thí một vị Độc giác Phật, và có ai bố thí trăm vị Độc giác Phật, và có ai bố thí Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác... và có ai bố thí chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị dẫn đầu, và có ai cho xây dựng một tịnh xá cho chúng Tăng trong bốn phương... và có ai với tâm tịnh tín qui y Phật, Pháp và chúng Tăng... và có ai tâm tịnh tín chấp nhận học pháp, từ bỏ sát sanh... (thọ giới) từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu... và có ai dầu chỉ trong một khoảnh khắc vắt sữa bò, tu tập từ tâm, **và có ai dầu chỉ trong một khoảnh khắc búng ngón tay, tu tập tưởng vô thường, bố thí này quả lớn hơn bố thí kia.**

Cuối cùng, quý vị thấy tu tập tưởng vô thường là lớn nhất. Tưởng vô thường tức là suy tư nghĩ về vô thường, là bố thí lớn nhất. Cho nên trong các pháp tu, tu vô thường thì [có quả] lớn nhất. Chút nữa chúng ta sẽ giải thích tại sao tu vô thường là lớn nhất, bây giờ chúng ta nói luôn cho hết bài kinh này.

(Kinh 9.20. Velāma – Kinh Tăng Chi Bộ).

(Tức là bài kinh thứ 20, trong chương Chín Pháp của Kinh Tăng Chi Bộ).

Tại sao tu vô thường là bố thí lớn nhất? Cho nên quý vị làm gì làm, tu tập vô thường, nghĩ đến vô thường là tuyệt vời. Đoạn sau sẽ giải thích, bây giờ chúng ta tóm tắt lại bài kinh này:

Tóm tắt bài Kinh Velāma - Kinh số 9.20 trong Kinh Tăng Chi Bộ

I. Đức Phật dạy 5 cách bố thí không cẩn thận thì quả báo kém:

TT	Nhân	TT	Quả
1	Không cẩn thận	1	Tâm không hướng đến các món ăn tốt
2	Không chú tâm	2	Không được y phục tốt
3	Không tự tay mình làm	3	Không được xe cộ tốt (phương tiện đi lại tốt)
4	Cho đồ bỏ đi	4	Không được hưởng năm dục tốt
5	Không nghĩ đến tương lai về nghiệp quả	5	Người trong gia đình, người phục vụ... không tôn trọng, không nghe lời.

II. Đức Phật dạy 5 cách bố thí cẩn thận (đúng) thì quả báo tốt:

TT	Nhân	TT	Quả
1	Cẩn thận	1	Tâm hướng về các món ăn tốt
2	Có chú tâm	2	Được y phục tốt
3	Tự tay mình làm	3	Được xe cộ tốt (phương tiện đi lại tốt)
4	Không cho đồ bỏ đi	4	Hưởng năm dục tốt (là Sắc, Thân, Hương, Vị, Xúc)
5	Nghĩ đến tương lai về nghiệp quả	5	Người trong gia đình, người phục vụ... tôn trọng, nghe lời.

Đây là bài học về bố thí. Còn phần tiếp theo là:

III. Câu chuyện Bà-la-môn Velāma (Tiền thân của Đức Phật)

Đã bố thí cực lớn: 84.000 bát vàng...84.000 bát bạc...84.000 voi ...84.000 xe ...84.000 bò sữa...84.000 thiếu nữ...84.000 giường...84.000 vải...đồ ăn thức uống “chảy như sông”.

Nhưng Đức Phật nói: Không có ai xứng đáng để nhận bố thí ấy (Nghĩa là không có bậc Thánh để nhận cúng dường). Cho nên phước không lớn như tưởng.

Cho nên lúc đó dù bố thí như vậy nhưng không có ngon, phước không lớn như mong muốn. Phước lớn, nhưng không lớn như mong muốn.

IV. Đức Phật Dạy Về So Sánh Các Tầng Công Đức Bố Thí

1	Công đức bố thí cho người Chánh kiến (Tu-đà-hoàn) lớn hơn công đức bố thí của Bà-la-môn Velāma (là tiền thân của Đức Phật)
2	Công đức bố thí 1 vị Nhất lai (Tư-đà-hàm) lớn hơn công đức bố thí cho 100 người Chánh kiến (Tu-đà-hoàn).
3	Công đức bố thí 1 vị Bất lai (Tam quả A-na-hàm) lớn hơn công đức bố thí cho 100 Nhất lai (Nhị quả Tư-đà-hàm).
4	Công đức bố thí 1 vị A-la-hán lớn hơn công đức bố thí cho 100 Bất lai (Tam quả A-na-hàm).
5	Công đức bố thí 1 vị Phật Độc Giác lớn hơn công đức bố thí cho 1 A-la-hán.

6	Công đức bố thí 1 vị Phật Chánh Đẳng Giác lớn hơn công đức bố thí cho 100 Phật Độc Giác. (Cho nên Phật là nhất)
7	Bố thí cho Tăng đoàn có Phật dẫn đầu. (Công đức này sẽ lớn hơn, ở đây thì không có so sánh như thế nào, nói lược nhưng mình hiểu là lớn hơn).
8	Xây Tịnh xá cho Tăng bốn phương (Tăng du phương, Tăng du hóa).
9	Quy y Tam Bảo.
10	Giữ năm giới.
11	Tu tập từ tâm (mettā) trong thời gian vắt sữa bò (Tu tập từ tâm (mettā) trong thời gian vắt sữa bò thì phước lớn hơn các phước kia. Cho nên quý vị thấy, khi tu tập tâm từ, nghĩ tới chúng sanh thôi, có Pháp môn tu tập tâm từ chúng ta học rồi đó, thì phước đó lớn. Nhưng phước đó không bằng quán vô thường).
12	Quán vô thường chỉ trong một cái búng tay.

Quán vô thường, tại sao phước lớn như vậy? Ở đây có giải thích:

***Đức Phật kết luận:** Quán vô thường trong một búng tay phước lớn hơn tất cả bố thí vật chất trước đó.

***Giải thích thêm:** Quán vô thường (anicca) đúng như thật, sẽ thấy: thân vô thường, cảm thọ vô thường, tâm vô thường, pháp vô thường. (Quý vị thấy thân sanh diệt, nó không đáng lưu luyến, sau này rồi cũng bỏ thôi. Cảm thọ vô thường, là cảm thọ lúc nóng, lúc lạnh, lúc dễ chịu,

lúc không dễ chịu. Quán năm cảm thọ đó là vô thường. Tâm vô thường, khi là phàm phu thì tâm vô thường, lúc thế này lúc thế kia. Pháp vô thường, pháp luôn biến đổi). **Đây chính là tuệ minh sát (vipassanā). Đây là nền tảng xuất thế gian, chứng ngộ Niết-Bàn nên công đức lớn hơn tất cả phước ở trên.**

Cho nên quán vô thường thuộc về Vipassana, tức là tu Tuệ minh sát. Chính vì vậy, đó là nền tảng để ra khỏi sanh tử. Còn quý vị tu bố thí cỡ nào đi chăng nữa cũng [vẫn] luân hồi, cho nên phước luân hồi thì không lớn bằng phước ra khỏi sanh tử. Tại sao? Nếu quý vị có quán vô thường thì quý vị mới thành Thánh nhân, thành Thánh nhân rồi thì quý vị ra khỏi sanh tử. Đồng thời Thánh nhân là ruộng phước tối thắng cho đời, nên đó là phước lớn. Quý vị chỉ cần thành Tu-đà-hoàn hướng thì được gọi là Tăng rồi, là tám địa vị, bốn bậc. Từ Tu-đà-hoàn hướng; Tu-đà-hoàn;... A-na-hàm tới A-la-hán. Nói chung mỗi địa vị là bốn quả Sa môn thêm bốn Hướng nữa, thì phước rất lớn. Và là ruộng phước tối thắng cho chúng sanh. Cho nên tu tập [quán] vô thường phước cực kỳ lớn nha.

***Các Chú Giải thường ví:**

+ **Bố thí giống như trồng cây trong vườn đẹp. Cây sẽ ra hoa, kết trái. Nhưng cuối cùng cây vẫn chết.**

+ **Quán vô thường giống như tìm ra lối thoát khỏi khu rừng sinh tử. Một bước đi đúng hướng, giá trị hơn trồng cả khu rừng.**

Ví dụ này trong Chú Giải rất dễ nhớ. Quý vị thấy bồ thí thì giống như trồng cây, trồng cây cho vườn đẹp. Cây ra hoa kết trái thì có phước đầy, nhưng cuối cùng cây cũng chết thôi. Tại vì trong sanh tử luân hồi, hưởng phước thì cũng có lúc hết. Mình [có phước] như ngài Kiều Trần Như thì được, nhưng nếu không được thì cũng khổ. Còn quán vô thường thì giống như tìm lối thoát ra khỏi khu rừng. Một bước đi đúng hướng thì có giá trị hơn trồng cả khu rừng. Cho nên ở trong khu rừng sanh tử, trồng cây cho đẹp vậy thôi, chứ hưởng một hồi rồi cây cũng chết. Còn nếu thoát ra khỏi khu rừng đó thì mới tốt. Mà quán vô thường là một bước đi đúng hướng. Cho nên tại sao [gọi] là Tuệ minh sát. Như vậy quý vị hiểu rồi đúng không ạ?

Một bài kinh dạy cho quý vị hai vấn đề. Trong đó, lưu ý phần năm pháp [cần] nhớ để khi bồ thí nha. Bài kinh này hơi dài, quý vị nào cắt thì nên cắt bài này thành hai đoạn. Một đoạn dành cho việc bồ thí cho đúng cách, và một đoạn dành cho so sánh công đức. Do bài kinh này chung như vậy, nên mình chia ra.

Chúng ta sang mục tiếp theo, đó là:

Thế Nào là Thân Kiến

(Theo Kinh Trung Bộ)

Bài này cũng rất quan trọng, chúng ta ôn lại lần nữa về Thân kiến. Có nhiều người không nhớ, cho nên ôn lại. Bài kinh này rất dài, chúng ta chỉ trích một đoạn thôi.

(Thân kiến)

- Thưa Ni sư, thế nào là Thân kiến?

- Ở đây, Hiền giả Visākha, kẻ vô văn phàm phu không đến yết kiến các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đến yết kiến các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân,

Câu chuyện này có hai người, một bà Ni sư, [được] gọi là Đệ nhất thuyết pháp bên Ni. Bà có ông chồng [tên] là Visākha. Sau khi bà này đi xuất gia thì ông chồng hay tới hỏi pháp. Vị này bây giờ là Tỳ-kheo ni (Ni sư) rồi, và là Đệ nhất thuyết pháp bên Ni, cho nên người chồng cũng hay hỏi pháp. Câu hỏi này rất hay, do bữa nay không có thời gian nên không kể chi tiết câu chuyện này, để khi khác, lúc nào [có thời gian sẽ] kể chi tiết câu chuyện này. [Bữa nay] chúng ta chỉ nghe đoạn này thôi.

Đầu tiên, vị Thánh ni này nói là: ‘Kẻ vô văn phàm phu không đến yết kiến các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đến yết kiến các bậc Chân nhân (là A-la-hán), không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân

nhân'. Nên dẫn đến **xem Sắc là tự ngã hay xem tự ngã là có Sắc, hay xem Sắc là trong tự ngã hay xem tự ngã là trong Sắc;** (tức là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, năm điều đó thuộc về Thân kiến).

Thế nào là thuộc về Thân kiến? Tức là ngài Ni sư này nói: Thứ nhất, 'xem Sắc là tự ngã'. Họ xem thấy Sắc (là thân thể này) chính là ta. Hay là 'xem tự ngã là có Sắc', tức là xem bản thân mình (thân thể này) có Sắc. Hay là 'xem Sắc là trong tự ngã', tức là thân thể này thuộc về tự ngã. Bản thân mình có nhiều tự ngã lắm, không [phải] chỉ mỗi thân thể này, ý nghĩa là như vậy. Hay là 'xem tự ngã ở trong Sắc', tức là mình nghĩ mình ở trong cái thân thể này. Những suy nghĩ như vậy đều thuộc về Sắc thân kiến, Sắc thân kiến là thuộc một trong năm yếu tố thôi.

Hay xem Thọ là tự ngã, hay xem tự ngã là có Thọ, hay xem Thọ là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong Thọ;

Cũng bốn điều giống vậy. Thọ ở đây, chúng ta nói có ba Thọ hoặc năm Thọ. Ví dụ: Thọ khổ, Thọ lạc, Thọ không khổ không lạc (có thể thêm: Thọ hỷ, Thọ ưu). Cảm thấy khó chịu là Thọ ưu. Phạm phu thì xem năm Thọ đó đều là mình hết, hay là xem mình có Thọ đó. Thông thường, chúng ta sẽ bị dính vào, không xem Thọ đó là mình thì ok rồi, nhưng lại xem mình có Thọ đó. Điều này [nghĩa là] mình cứ nghĩ mình có Thọ đó, nhưng không phải như vậy. Và xem Thọ ở trong tự ngã, tức là Thọ thuộc vào trong mình, hay là xem tự ngã ở trong Thọ đó là của mình. Bốn điều đó, ai vướng vào điều

nào [thì] cũng dính vào Thân kiến về Thọ. Cho nên là khó! Từ từ, chúng ta sẽ học đoạn dưới, ngược lại thì sẽ không có Thân kiến.

Hay xem Tưởng là tự ngã, hay xem tự ngã là có Tưởng, hay xem Tưởng là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong Tưởng;

Điều này cũng giống như vậy thôi. Tưởng là tưởng tri, tưởng về quá khứ, tưởng về tương lai, nói chung là tưởng tùm lum, có nhiều Tưởng lắm. Nhưng mình xem Tưởng đó là mình, thường là mình đồng nhất đúng không ạ? Nhưng có người thì không xem Tưởng là mình, nhưng xem tự ngã là có Tưởng. Thông thường mình sẽ có quan niệm là ‘tôi suy nghĩ’, ‘tôi nghĩ rằng’, ‘tôi biết rằng’... đó là rớt vào Tưởng này rồi, là Thân kiến đó.

Hay xem Tưởng là trong tự ngã, (xem Tưởng đó là bên trong của mình) hay xem tự ngã là trong Tưởng (hoá ra mình là một phần trong đó thôi. Tức là Tưởng có nhiều hơn, còn mình là một phần ở trong đó. Xem như vậy thì cũng bị rớt vào Thân kiến về Tưởng).

Hay xem Hành là tự ngã, xem tự ngã là có Hành, hay xem Hành là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong Hành;

Tương tự như thế [đối với Hành], chỉ đổi chữ thôi. Quý vị thấy ngôn ngữ khó hiểu, nhưng thật ra rất đơn giản, giống nhau [thôi]. Hoặc là mình xem Hành là chính mình. Hành là gì? Hành, ở đây có thể nói là ba Hành: Thân hành, Khẩu hành và Ý hành. Ý hành là suy nghĩ khía cạnh về thiện ác, khía cạnh thiện ác về miệng, khía cạnh thiện ác về thân làm. Những Hành

như vậy, mình xem đó là mình. Thông thường, mình không xem đó là mình, thì mình không rớt vào trường hợp thứ nhất, nhưng xem mình có Hành. Mình nói tôi có thiện ác đó, là do thân tôi làm, do miệng tôi làm, do ý tôi nghĩ, đúng không ạ? Đó là vướng vào ngã, là ‘xem tự ngã có Hành’. Hoặc là không thì ‘xem Hành trong tự ngã’, tức là mình nói ngã mình lớn hơn, thật ra là Hành này trong tôi thôi. Thông thường mình rớt vào bốn cái quan niệm này. Rồi ‘hay xem tự ngã trong Hành’. Quan niệm ‘xem tự ngã trong Hành’ tức là có tôi ở trong Hành, thì ít khi có người nghĩ như vậy. Mà thông thường là mình xem hai điều sau ‘xem tự ngã là có Hành’ và ‘xem Hành là trong tự ngã’. Nếu người không học thì chắc người ta dính điều đầu, còn mình học Phật pháp thì thông thường mình vướng vào hai điều ở giữa này. Cho nên tại sao phá Thân kiến khó như vậy. Học nhiều, tu nhiều, thì mới hiểu được.

Xem Thức là tự ngã, hay xem tự ngã là có Thức, hay xem Thức là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong Thức. Như vậy, Hiền giả Visākha, là Thân kiến.

Quý vị thấy không ạ? Rớt vào Thân kiến là vậy đó. Cuối cùng là Thức, Thức là sự biết. Chúng ta có sáu sự biết: biết của mắt (mắt thì biết màu sắc, hình sắc); tai thì biết âm thanh; mũi thì biết mùi hương; lưỡi thì biết vị chua, cay, mặn, ngọt gì đó; thân thì biết xúc chạm, cảm giác nóng lạnh... Cuối cùng là ý, ý thì biết pháp. Sáu Thức đó mình cho nó là ta, thông thường học Phật pháp thì cũng dễ cho đó là ta lắm. Tại sao? Vì mình nghĩ thân thể

không phải là ta, nhưng ý thức là ta. Hoặc là xem tự ta có Thức, xem sáu sự biết đó là ta. Hoặc không có điều đó thì xem Thức đó ở trong ta, hay xem ta ở trong Thức, thì rớt vào Thân kiến. Bốn điều đó, nên mỗi điều nhân bốn.

Bài kinh này, quý vị cứ nghe dần dần như vậy thì mới hiểu được, dần dần mới phá Thân kiến được. Cho nên nhiều người mới đầu nghe không hiểu Thân kiến là gì, vì mình không có học kỹ. Thật ra mới đầu học thấy khó quá, không hiểu khái niệm Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, mình chưa hiểu từng cái, Sắc là gì, Thọ là gì, Tưởng là gì, Hành là gì, Thức là gì, thì làm sao mình hiểu được điều này.

- Thừa Ni sư, thế nào là không phải Thân kiến?

- Ở đây, Hiền giả Visākha, vị Đa văn Thánh đệ tử đến yết kiến các bậc Thánh, thuần thực pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đến yết kiến các bậc Chân nhân, thuần thực pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân (quý vị thấy, đầu tiên là phải thường xuyên thân cận bậc Thánh, tu tập nghe pháp các bậc Thánh (bậc A-la-hán là bậc Chân nhân đó), thì sau đó họ mới có nhận thức gọi là không có Thân kiến), không xem Sắc là tự ngã (tức là đổi lại, ở trên là ‘xem’, còn bây giờ thêm chữ ‘không’ vô thôi) không xem tự ngã là có Sắc, không xem Sắc là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong Sắc; không xem Thọ là tự ngã, không xem tự ngã là có Thọ, không xem Thọ là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong Thọ; không xem Tưởng là tự ngã, không

xem tự ngã là có Tưởng, không xem Tưởng là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong Tưởng; không xem các Hành là tự ngã, không xem tự ngã là có các Hành, không xem các Hành là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong các Hành; không xem Thức là tự ngã, không xem tự ngã là có Thức, không xem Thức là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong Thức. Như vậy, Hiền giả Visākha, là không có Thân kiến.

Quý vị thấy, chỉ cần đổi ngược lại. Đọc dài vậy thôi, quý vị [chỉ] cần nhớ bốn điều thôi:

1. Không xem Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là ngã.
2. Không xem ngã có Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức.
3. Không xem Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là ở trong ngã của mình.
4. Không xem ngã của mình ở trong Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

Tức là đừng có đồng nhất mình với Ngũ uẩn. Đừng có cho mình là Ngũ uẩn; đừng có cho Ngũ uẩn là mình; đừng cho có Ngũ uẩn ở trong mình; đừng cho có mình trong Ngũ uẩn. Nói chung là bốn điều, đừng xem điều nào là mình hết.

Thật ra chỉ cần hiểu vấn đề đơn giản thôi, chúng sanh là do duyên là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng (bài hôm bữa [đã học] rồi đó). Đơn giản, mình thấy mấy điều đó không phải là mình, nhớ là không phải ta. Vì sao không phải ta? Vì nó là sanh diệt, là do duyên, duyên khởi lên, các ý niệm cho đến thân thể v.v...

Bài kinh này, nói chung là mình phải hiểu [về] phá Thân kiến đúng nghĩa, đừng có chấp. Bây giờ, quý vị cố gắng quan niệm đừng cho thân này là ta, ta không có trong đó. Hai khái niệm đó là dễ nhất, có lẽ là quý vị nắm được, ta không có trong đó. Rồi Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng vậy, không có cái nào là ta hết, hiểu được như vậy là được. Không có cái nào là ta, ta không có trong cái nào hết. Nó chỉ là pháp vận hành theo dòng nhân duyên. Có cái này, thì có cái kia sanh khởi. Và chúng sanh bám theo Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, cho đó là ngã, do sự bám đó mà sanh ra. Từ sự bám đó gọi là Thủ, nên gọi là Thủ uẩn, mà từ đó có khổ. Cho nên mọi thứ là như vậy. Bài kinh này, nếu quý vị không hiểu thì quý vị nghe đi nghe lại, đọc từng chữ, rồi nghe lại đoạn vừa rồi.

(Trích từ Tiểu Kinh Phương Quảng – Kinh số 44 trong Kinh Trung Bộ).

Sẵn đây, nêu cho quý vị vấn đề đơn giản thôi, có liên quan đến bài trên. Đó là:

Quan Niệm Cần Tu Tập

(Theo Kinh Trường Bộ)

Này Ānanda, khi một vị Tỷ-kheo **không quan niệm ngã là thọ, không quan niệm ngã không phải thọ, không quan niệm: "Ngã của tôi là thọ, ngã của tôi có khả năng cảm thọ"**, khi ấy vị này **sẽ không chấp trước một điều gì ở trên đời, vì không chấp trước nên không sợ hãi; vì không sợ hãi nên hoàn toàn tự mình tịch diệt**. Vị ấy biết sanh đã

tận, Phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, sau đời này không còn đời nào khác nữa.

(Trích từ Kinh Đại Duyên (Mahānidānasutta) – Kinh Số 15 - trong Kinh Trường Bộ).

Quý vị thấy, chính là pháp tu ở trên. Đây là giới thiệu cho quý vị cách tu, ở đây chỉ cần [quan niệm] một điều thôi. Thay vì Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, ở đây nói Thọ thôi. Thật ra là mình tu trên năm [uẩn]: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, đừng có quan niệm ta là một trong [năm uẩn] đó. Ví dụ như ở đây nói là: *‘Không quan niệm ngã là thọ, không quan niệm ngã không phải thọ, không quan niệm: “Ngã của tôi là thọ, ngã của tôi có khả năng cảm thọ”*. Không quan niệm bốn điều này thì thật ra là khó hơn [cách đoạn] Thân kiến kia.

Quý vị thấy không ạ? Không quan điểm ngã là Thọ thì giống [bài kinh] kia. Nhưng *‘không quan niệm ngã không phải Thọ’* tức là quan niệm *‘ngã không phải là thọ’*, thì cũng sai. Tại sao kỳ vậy? Ở [bài kinh] trên thì nói tới bước này thôi, tại vì ngã không phải là Thọ. Tức là sao? Vì cái giả ngã đó, Thọ là có thật, mình nói Thọ là cảm xúc thì có mà, cho nên là tách cái đó ra. Thật ra pháp vận hành theo nhân duyên vậy thôi, chứ không chấp vào đó. Cái ta, thật ra là có, có nhưng trong sát-na thôi, kiểu như vậy đó, mình hiểu [là được].

Cho nên quan niệm Đoạn kiến và Thường kiến, Thường kiến là tự ngã thường hằng, còn Đoạn kiến là chẳng có luân, thì sai. Tại vì thực thể là

thực có mà, lúc cảm thọ là có cảm thọ, nhưng cảm thọ đó tích tắc hết, tức là nó chuyển qua Thọ.

Rồi ‘không quan niệm: "*Ngã của tôi là Thọ, ngã của tôi có khả năng cảm thọ*". Thông thường, mình dính vô điều này hết. '*Khi ấy vị này sẽ không chấp trước một điều gì ở trên đời, vì không chấp trước nên không sợ hãi; vì không sợ hãi nên hoàn toàn tự mình tịch diệt*', cho nên cuối cùng thành A-la-hán.

Đây là bài pháp rất khó đó quý vị, coi vậy chứ làm không được, vì [đây] là A-la-hán rồi mà. Quý vị làm [theo] bài trên thôi, cứ phá Thân kiến đã, bài này khó hơn, quý vị đừng đòi hỏi cao quá. Điều này rất khó, vi tế lắm. Mình chỉ nói Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức không phải ngã là mừng lắm rồi. Rồi ‘không có trong nhau’, v.v.... Bây giờ quan niệm thêm một tầng sâu nữa, thì điều này khó. Đối với [quán] Thọ này, khó cực kỳ ha! Điều này thật ra A-la-hán thì mới tu tập được, chứ còn bình thường tu tới đây là mình thành A-la-hán.

Giới thiệu để cho quý vị biết, tu một thứ thôi, [quán] Thọ thôi mà làm một cách rất ráo thì cũng thành A-la-hán đó. Cho nên học đi, hiểu rồi từ từ tu Tứ niệm xứ. Quán sát nhiều [về] Thân, Thọ, Tâm, Pháp, rồi dần dần lóe lên những sát-na Minh sát tuệ, [thì] chặt đứt được những quan điểm sai lầm về ngã, những ảo tưởng về ngã hết, thì từ đó giải thoát sinh tử, chứ không phải là đơn giản đâu. Vậy thì chúng ta cứ tu từ từ, dần dần mình [nghĩ]: Ô! Thọ này không phải là ta, nó chỉ là do duyên [tiếp] xúc. Giờ thời tiết lạnh, thấy lạnh, thời tiết nóng, [thấy] nóng. Duyên do có thân

thể, có thân nên có tiếp xúc với bên ngoài, do tiếp xúc với bên ngoài nên ta có thọ, có thọ nên khởi lên cảm thọ, vậy thôi. Dần dần mình hiểu các pháp, thấy nó là sanh diệt liên tục. Tu quán Tứ niệm xứ: Thân, Thọ, Tâm, Pháp là vậy đó, cho nên tu Thọ thôi cũng được, quý vị thấy tu đến lúc nào cũng được. Những bài [kinh] này rất là sâu, giới thiệu cho quý vị thôi, sau này quý vị tu, rồi dần dần quý vị coi sau.

Bây giờ chúng ta vào phần Vi Diệu Pháp, hôm nay giới thiệu cho quý vị ‘Lộ trình Tâm nhập Thiền quả’.

Vi Diệu Pháp

Lộ trình Tâm nhập Thiền quả

1. Định nghĩa: Lộ trình Tâm nhập Thiền quả tức là (Phala Samāpatti) là tiến trình tâm sinh khởi trong khoảng thời gian mà các bậc Thánh an trú với tâm định siêu thế để hưởng an lạc giải thoát.

Ở đây không phải là Thiền thế gian, không phải là Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, mà Thiền quả của các bậc Thánh tức là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Các bậc Thánh thì có thể nhập lại định đó, nhập định của bậc Thánh. Cho nên đây là ‘tiến trình tâm sinh khởi trong khoảng thời gian mà các bậc Thánh an trú trong tâm định siêu thế để hưởng an lạc giải thoát’. Tóm lại là khi nhập vô Thiền đó thì Lộ trình tâm như thế nào, thì bây giờ chúng ta học.

2. Đặc điểm:

+ Đây là định đặc biệt chỉ dành cho bậc Thánh, không phải định thông thường như các tầng Thiên.

Quý vị thấy, nhiều khi nghe tên Thiên quả thì tưởng là Thiên chỉ Samatha, nhưng không phải, đây là Thiên quả của bậc Thánh, nên dành cho bậc Thánh thôi. Chúng ta học cho biết nha, chưa thành Thánh thì cũng học cho biết.

+ Hành giả (các bậc Thánh) an trú trong cảnh Niết-bàn với Tâm quả Siêu thế tương ứng với tầng Thánh mà mình đã chứng đắc.

Có nghĩa là khi nhập Thiên này thì an trú trong Tâm quả Siêu thế. Quý vị nhớ Tâm quả Siêu thế gồm có mấy tâm không? Nếu mình nói đơn giản là có 4 loại bậc Thánh là: Sơ quả Tu-đà-hoàn, Nhị quả Tư-đà-hàm, Tam quả A-na-hàm và Tứ quả A-la-hán, [nhân cho] (nếu học Vi Diệu Pháp) là 5 tầng Thiên, cho nên thành ra 20 Tâm quả Siêu thế. Tâm Sơ quả Sơ thiên, tâm Sơ quả Nhị thiên, tâm Sơ quả Tam thiên, tâm Sơ quả Tứ thiên, tâm Sơ quả Ngũ thiên. Đó là nói theo Vi Diệu Pháp thì có tới 5 tầng Thiên, tại vì chia thành năm Chi thiên. Đó, cứ tưởng tượng như vậy, chúng ta đã học rồi thì ôn lại cho nhớ nha

3. Điều kiện trước khi nhập Thiên quả.

Muốn nhập Thiên quả cũng phải có điều kiện, chứ không phải là không.

+ (1) **Đã chứng ít nhất một Thánh quả:** Dự lưu là Tu-đà-hoàn (Sotāpanna), Nhất lai là Tư-đà-hàm (Sakadāgāmi), Bất lai đó là Tam quả A-na-hàm (Anāgāmi), A-la-hán (Arahant). (Có bốn địa vị Thánh quả đó mới nhập được, còn nếu mình không chứng quả này thì không nhập được).

+ (2) **Có khả năng vào Thiền chỉ (jhāna) hoặc ít nhất có định mạnh (tối thiểu là Cận định trở lên, có chỗ nói là phải Sơ thiền trở lên).**

Trong Vi Diệu Pháp, có một số người thì nói là phải có Sơ thiền trở lên. Nhưng có [một] số thì nói là chỉ cần Định mạnh, Cận định trở lên thì có thể nhập Thiền này. Vì có người chứng Sơ quả, người ta đâu có Thiền đâu. Hoặc có những người họ chỉ cần Sát-na định thôi [là] chứng Sơ quả, Nhị quả. Chúng ta học [nên] biết rồi, [chứng] Sơ quả, Nhị quả thì [chỉ cần] Sát-na định cũng chứng được, cho nên [chỉ cần] Cận định. Từ từ, chút nữa chúng ta sẽ nói về Định này. Bây giờ nói cho hết bốn điều kiện này.

+ (3) **Tác ý (adhitthāna) muốn nhập quả định.** (Phải có tác ý nữa, chứ không tác ý thì không được).

+ (4) **Đã ra khỏi các hoạt động tâm thô.** (Tức là tâm mình phải không có thô tháo nữa, tâm [phải] ra khỏi hết, chỉ cần chú tâm vào nhập [quả định]).

4. Chuẩn bị nhập Thiền quả.

Đề nhập [được] Thiên [quả] đó thì sao?

+ **B1: Vị Thánh phải chú nguyện "Siêu thế pháp nào mà tôi đã chứng đắc, hãy khởi lên trong tôi suốt thời gian này... Trong suốt thời gian này, xin cho cảnh Hữu vi vắng mặt".**

Tức là đầu tiên phải có chú nguyện. Thật ra mình không đọc ra, nhưng trong đầu mình muốn 'những Thánh quả nào mình đã chứng rồi, được trong thời gian khoảng bao lâu (ví dụ như một ngày, hai ngày, mấy phút, mấy giây gì đó.... nói chung là muốn thời gian bao lâu), thì trong thời gian đó xin cảnh Hữu vi vắng mặt'. Tức là vô cảnh Vô vi, cảnh Niết-bàn đó. Vậy bước thứ nhất là tác ý chú nguyện.

+ **B2: Tác ý quán Tứ niệm xứ để nhận Danh sắc nội thân, tuần tự tiến đến hành xả tuệ, Quán các pháp theo tuệ quán (vipassanā): Vô thường, Khổ, Vô ngã.**

Bước thứ hai là phải tác ý về Tứ niệm xứ. Dùng Danh sắc là thân thể của mình (nội thân tức là thân thể mình), để thực hành môn Tuệ quán đó. Rồi quán theo Tuệ quán là quán Vô thường, Khổ, Vô ngã. Quý vị thấy cũng liên quan đến Tứ niệm xứ.

+ **B3: Khi Ngũ quyền (Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ) đồng đẳng thì phát sinh Tuệ thuận thứ, dứt Tuệ thuận thứ, nhập vào quả định.**

Tức là khi sự tu tập quán sát đó đủ mạnh, đủ Ngũ quyền, đồng đẳng rồi (đồng đẳng là mạnh ngang, cân bằng. Nó có và cân bằng). Người tu

hành Ngũ quyền cân bằng không có lệch. Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ phải không được lệch. Nhiều khi Niệm của mình nhiều quá thì cũng không được, mà Định nhiều quá thì hôn trầm. Phải cân bằng, vừa phải. [Nếu không cân bằng] thì có thể có những Trạo cử v.v... đủ các thứ. Tín nhiều quá thì dễ rớt vào cuồng tín. Nhưng tới bậc Thánh rồi thì tất nhiên cân bằng dễ lắm, không có cuồng tín đâu.

Phần này, chúng ta để khi nào sẽ ôn lại kỹ hơn, bây giờ chỉ nói thôi.

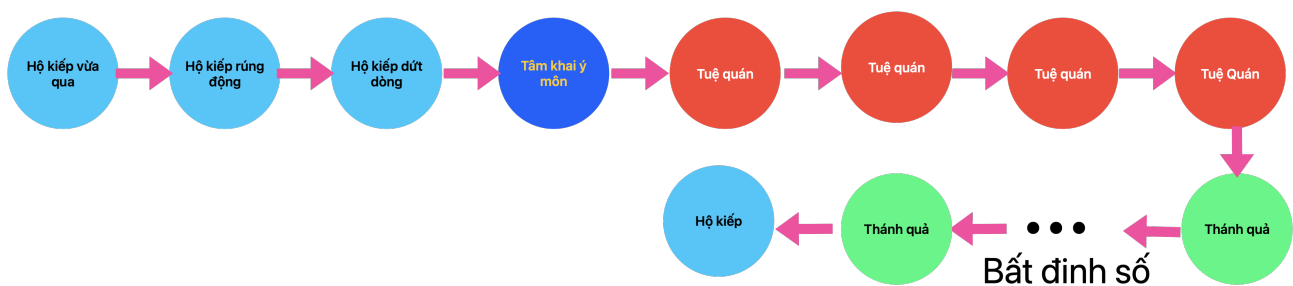
Ở giai đoạn này tâm tuệ hoạt động lại giống trước khi chứng đạo, nhưng không tạo đạo mới.

Thật ra hoạt động giống như lúc mình chứng quả đó. Quý vị thấy, giai đoạn chứng quả lúc trước đã học rồi đúng không ạ? Bây giờ học gần giống vậy, nhưng có điều là không chứng. Vì chỉ nhập lại thôi, chứ không có chứng gì mới.

5. Lộ trình Tâm nhập Thiên quả

+ Với người trì căn (độn căn)

a. Lộ trình Tâm nhập Thiên quả của bậc Thánh Trì căn:



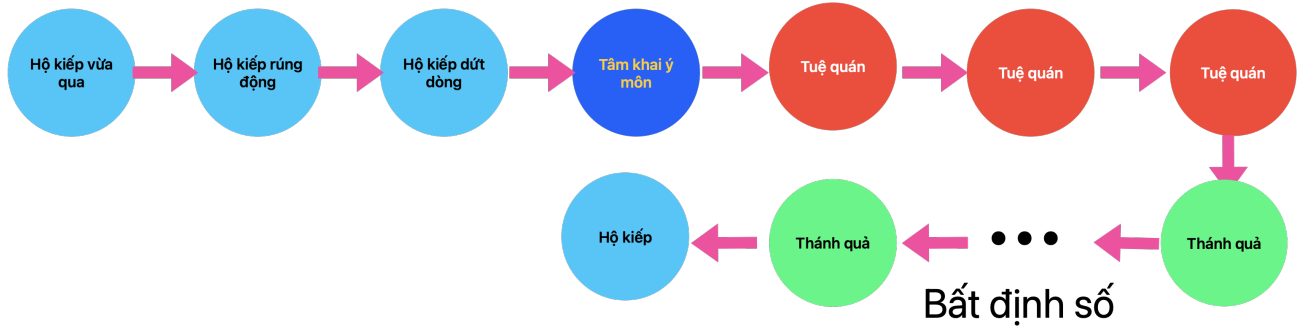
Người Trì căn (tức là người Độn căn), căn tánh chậm. Đây là thành bậc Thánh rồi nha (bậc Thánh Trì căn). Đầu tiên là sát-na Tâm hộ kiếp vừa qua -> Hộ kiếp rúng động -> Hộ kiếp dứt dòng -> Tâm khai Ý môn (vì ở đây là cửa Ý để nhập định mà). Quý vị thấy 4 sát-na tâm này quen đúng không ạ? -> Sau đó là sát-na Tâm đồng lực (đối với người Trì căn thì có 4 Tâm đồng lực (Đồng lực nên vẽ màu đỏ), là Tuệ quán (người ta dùng Tuệ quán Vipassana đó). Tuệ quán -> Tuệ quán -> Tuệ quán -> Tuệ quán (bốn cái). Hồi trước, trong Lộ trình chứng quả thì sẽ có Tâm đạo, nhưng ở đây sẽ vào Tâm Thánh quả luôn. Bậc nào thì vào tâm của Thánh quả đó. Ví dụ như Sơ quả thì là Tâm Sơ quả. Tâm Sơ quả tùy theo bậc Thiền của người ta chứng. Ví dụ như hồi trước người ta chứng Sơ quả Sơ thiền, thì bây giờ là Tâm Sơ quả Sơ thiền. Tùy vào định [nên] không biết, do tầng Thiền nữa, cho nên tùy theo trạng thái. Rồi sẽ tiếp tục như vậy qua bao nhiêu số đó, gọi là Bất định số, không biết bao nhiêu số Tâm thánh quả như vậy -> rồi cuối cùng trở về Hộ kiếp, là hết.

Như vậy thời gian bao lâu là tùy đoạn Bất định số này dài hay ngắn. Ví dụ người ta vô được một chút thì ngắn, còn nếu vô được cả ngày luôn thì rất là lâu. Cho nên gọi là Bất định số (là không có xác định số được).

Đó là người Độn căn (hay là người Trì căn). Còn nếu người Lợi căn thì sao?

+ Với người lợi căn

b.Lộ trình Tâm nhập Thiên quả của bậc Thánh Lợi căn:



Người Lợi căn thì khác một chút thôi, chỗ Tuệ quán thì 4 [ĐỒNG LỰC] Tuệ quán chuyển thành còn 3 [ĐỒNG LỰC Tuệ quán] thôi. Tức là Lộ trình tâm lúc này còn 3 Tuệ quán thôi. Hộ kiếp vừa qua -> Hộ kiếp rúng động -> Hộ kiếp dứt dòng -> Tâm khai Ý môn -> Tuệ quán -> Tuệ quán -> Tuệ quán (lúc này là Tâm đồng lực (Javana) là Tuệ quán) -> rồi vào Tâm Thánh quả (Tâm Thánh quả tức là tùy theo tầng Thánh quả mà là Tâm [đó], Sơ quả thì là Tâm Sơ quả. Nếu là bậc Nhị quả thì là Tâm Nhị quả. Nếu bậc Tam quả thì là Tâm quả bậc Thánh Tam quả, rồi A-la-hán) -> rồi Bất định số -> rồi trở về Hộ kiếp.

Bây giờ, chúng ta sẽ giải thích kỹ hơn:

***Ở Sát-na Tâm Thánh quả cụ thể thì Tâm Sơ quả, Tâm Nhị quả, Tâm Tam quả Tâm Tứ quả tương ứng với từng bậc Thánh. (Từng bậc Thánh nào, ví dụ như quý vị là Sơ quả (tức là bậc Dự lưu) thì lúc này là Tâm Sơ quả, hoặc là Tâm Sơ quả an trú trong đó).**

Giải thích thêm:

+ Các Tâm quả này sanh diệt liên tục không gián đoạn. Chúng có thể kéo dài: vài phút, vài giờ, thậm chí cả ngày, vài ngày.

Vài ngày ở đây là bao lâu? Có sách thì nói là 7 ngày [là] tối đa, có chỗ thì nói nhiều hơn. Vì thật ra [khi] nhập vào [Thiền quả] đó, miễn là duy trì được cơ thể, thì sẽ nhập được lâu hơn. Lộ trình này, mình không có nhập được như vậy, nên mình không biết là bao lâu, thì cứ nói như vậy.

Bây giờ, chúng ta sẽ giải thích như thế này:

1. Hộ kiếp vừa qua (Atīta-bhavaṅga): Đây là sát-na Hộ kiếp cuối cùng trước khi tâm lộ bắt đầu. Đặc điểm: tâm ở trạng thái nghỉ, đối tượng là Nghiệp, Nghiệp tướng hoặc Thú tướng của đời này, không có hoạt động nhận thức mới. Vai trò: kết thúc dòng hộ kiếp bình thường, chuẩn bị cho tâm lộ mới.

Nhiều người không hiểu Hộ kiếp là gì, ở đây nói rõ đúng không ạ? Giống như một trạng thái nghỉ của tâm, ‘đối tượng là Nghiệp, Nghiệp tướng hoặc Thú tướng (những khái niệm này mình đã học hết rồi) của đời này, không có hoạt động nào nhận thức mới’. Cuối cùng kết thúc dòng Hộ kiếp vừa qua, chuẩn bị cho Tâm lộ mới bắt đầu từ đây. Cho nên có khi người ta không vẽ Hộ kiếp vừa qua, [mà] vẽ từ Hộ kiếp rúng động thôi.

2. Hộ kiếp rúng động (Bhavaṅga-calana): Đối tượng mới (ý định nhập quả định) làm rung động dòng Hộ kiếp. Đặc điểm: Hộ kiếp bị xao

động, nhưng vẫn chưa chuyển sang tâm nhận thức. Vai trò: tín hiệu rằng tâm lộ sắp bắt đầu.

Hộ kiếp rúng động là lúc này chuẩn bị đối tượng mới. Đối tượng mới là gì? Ý định nhập vào Tâm quả định cho nên Hộ kiếp rúng động.

3. Hộ kiếp dứt dòng (Bhavaṅga-upaccheda): Đây là sát-na cắt đứt dòng Hộ kiếp. Đặc điểm: dòng tâm nghỉ bị chấm dứt, mở đường cho tâm nhận thức hoạt động. Vai trò: chấm dứt trạng thái tâm thụ động.

Tức là khi không làm gì, không có gì, thì nó trả về Hộ kiếp. Bây giờ chuẩn bị hoạt động tâm rồi, Tâm Hộ kiếp vừa qua hết rồi -> Hộ kiếp rúng động -> rồi Dứt dòng (dứt hết dòng Hộ kiếp, bây giờ bắt đầu hoạt động bằng tâm). Quý vị hiểu được như vậy thì dần dần quý vị sẽ hiểu được hết.

4. Tâm khai ý môn (Manodvārāvajjana): Tâm này hướng về đối tượng xuất hiện ở cửa ý. Đối tượng ở đây là: ý định nhập quả định hoặc Niết-bàn đã từng chứng. Vai trò: chuyển tâm từ trạng thái Hộ kiếp sang dòng nhận thức.

Quý vị đã hiểu rõ rồi, đúng không ạ? Cứ mỗi lần nghe như vậy thì mình sẽ hiểu rõ hơn. Nói một lần thì quý vị không nắm hết [được], nhưng mỗi lần mình nói một chút thêm thì quý vị dễ hiểu hơn. Ở đây giống như chuyển tâm sang nhận thức, nhận thức bây giờ đối tượng là Niết-bàn (quả chứng rồi đó).

Tiếp theo là Tuệ quán. Đối tượng Trì căn (người chậm) thì [có] 4 sát-na Tâm tuệ quán, còn người nhanh thì chỉ có 3 [sát-na Tâm tuệ quán] thôi. Khác nhau một chút như vậy.

5. 5 đến 8 (hoặc 5 đến 7): Đây là Tâm đồng lực Đại thiện hợp trí (nhớ là phải hợp trí. Đồng lực Đại thiện tức là [Tâm] Đại thiện Dục giới. Có 8 Tâm Đại thiện Dục giới, nhưng ở đây là hợp trí, thì có 4 tâm thôi) **(hoặc Tâm đồng lực Đại tổ hợp trí đối với bậc A-la-hán)** (Bậc A-la-hán thì là Tâm đại tổ hoặc là Tâm duy tác, nhưng phải là hợp trí nha. Cũng tương tự như vậy thôi): **Là Tuệ quán (Vipassanā javana) có thể quán về Danh sắc, thấy rõ Vô thường, Khổ, Vô ngã, hướng tâm trực tiếp đến Niết-bàn.** (Cho nên Tuệ quán là thấy rõ về Danh sắc thật ra là Vô thường, Khổ, Vô ngã. Tam tướng đó đặc biệt).

Thánh quả (Phala-citta): Đây là Tâm quả của bậc Thánh là: Tâm quả Sơ quả, Tâm quả Nhị quả, Tâm quả Tam quả, Tâm quả Tứ quả. **Đặc điểm: đối tượng: Niết-bàn; tâm cực kỳ thanh tịnh; không có phiền não. Vai trò: an trú trong Niết-bàn (Nibbāna).** (Quý vị thấy tâm này là Tâm quả, Tâm quả của bậc Thánh. Chứng bậc Thánh nào thì lúc nhập định là Tâm quả đó).

Sau sát-na Tâm quả Thánh đầu tiên: Các Tâm quả Thánh lặp lại liên tục. Đây chính là: Phala Samāpatti (Thiền quả). Với thời gian có thể: vài phút, vài giờ, vài ngày. (Các Tâm quả Thánh lặp lại liên tục, [Bất định số], gọi là nhập Thiền quả).

Hộ kiếp trở lại: Sau khi kết thúc chuỗi Tâm quả: tâm quay về dòng Hộ kiếp bình thường. (Sau một điều gì đó thì trả lại Hộ kiếp, rồi mới chạy lại dòng Tâm mới. Quý vị hiểu không ạ? Cứ như vậy! Nguyên tắc hoạt động là cứ muốn điều gì thì bắt đầu từ dòng Hộ kiếp rúng động -> Dứt dòng -> rồi sau đó Khai cửa Ý hay khai Ngũ môn gì đó -> hoạt động xong thì quay lại Hộ kiếp. Nếu muốn hoạt động gì [thì] tiếp [một Lộ trình tâm] như vậy. Quý vị học hoài thì quý vị sẽ nắm được).

***Sau đó có thể phát sinh: Lộ trình tâm Phản khán Đạo quả.** (Lộ trình tâm này hôm bữa chúng ta học rồi. Sau khi nhập Đạo quả thì có thể có phát sinh Lộ trình tâm Phản khán Đạo quả).

+ Tâm phản khán (Paccavekkhana-citta) là Tâm đại thiện hợp trí (hoặc Tâm duy tác hợp trí ở bậc A-la-hán) khởi lên để quán sát lại: (1) Đạo vừa chứng; (2) Quả vừa chứng; (3) Niết-bàn đã kinh nghiệm; (4) Phiền não đã đoạn; (5) Phiền não còn sót lại. (Đây là nhắc lại thôi).

Quý vị thấy ở đây rất đơn giản, muốn học hết thì phải biết như vậy. Đây là mang tính giới thiệu thôi, để quý vị nắm sơ sơ cái sườn. Rồi sau này quý vị học với ai đó, học với vị này hoặc vị kia, hoặc là học lại thì chúng ta sẽ học sâu hơn. Chứ bây giờ, nếu nói rọt ráo thì mình phải học như thế này: Ví dụ như Tâm hộ kiếp là thọ gì? Tâm hộ kiếp là Thọ xả. Rồi Tâm khai Ý môn trong Tuệ quán này là thọ gì? Quý vị phải học kỹ thọ gì. Rồi Tâm thánh quả này thọ gì? Ví dụ như một người Tu-đà-hoàn Tâm Thánh quả của họ khi nhập Quả định, thì lúc nhập Quả định đó theo quý vị là thọ gì? Lúc toàn

là tâm Thánh quả, Tâm Sơ quả, nói cho dễ là Tâm quả Tu-đà-hoàn, thì như vậy lúc đó theo quý vị là thọ gì? Nhiều người sẽ không biết thọ gì đúng không ạ?

Quý vị thấy, trong các tâm, có bao nhiêu Tâm quả? Có 20 Tâm quả, chia theo 5 tầng Thiền: từ Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền. Như tâm Sơ quả Sơ Thiền; tâm Sơ quả Nhị thiền; tâm Sơ quả Tam thiền; tâm Sơ quả Tứ thiền; và tâm Sơ quả Ngũ thiền. Quý vị muốn biết tâm đó là tâm nào, thì quý vị thử coi bậc Thánh đó [chứng] Thiền nào, Thiền đó thì thọ gì? Như Sơ thiền là ‘một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có Tâm có Tứ’. Như vậy Sơ thiền, nếu xét trên thân thì là Thân thức Thọ lạc. Còn xét trên Tâm thức (tức là ý thức) thì thọ gì? Đang nói trên tâm thì phải là Thọ hỷ (hỷ lạc mà, ‘một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh’). Như vậy là Sơ thiền, Nhị thiền của Vi Diệu Pháp giống nhau, cũng là Sơ thiền của Kinh tạng thôi, thì phải là Thọ hỷ. Tức là lúc đó ta thấy vui, đúng không ạ? Nhưng Tam thiền của Vi Diệu Pháp là ‘một trạng thái hỷ lạc do Định sanh’, thì vẫn là hỷ lạc (là Thọ hỷ). Rồi Tứ thiền thì thọ gì? Chúng ta đang nói trên tâm thôi, thì lúc đó là thọ xả. Tức là Tứ thiền và Ngũ thiền của Vi Diệu Pháp là Thọ xả.

Vậy ở đây, nếu nói về trường hợp không đắc Thiền thì sao? Không đắc Thiền thì thọ gì? Ví dụ như lúc đầu, người ta nói là có thể là nhập Thiền này với Cận định mạnh thôi. Như vậy Cận định, trong Vi Diệu Pháp cũng nói là Thọ xả.

Sẵn ở đây cũng nói thêm, có nhiều người thắc mắc (do học không kỹ hoặc là chúng ta nói chưa rõ) là **Sát-na định, Cận định và An-chỉ định (tức là các tầng Thiền) thì cái nào hơn? Xếp thứ tự như thế nào?**

Thông thường, mọi người sẽ xếp thứ tự như thế này: Cận định, rồi Sát-na định, rồi tới An chỉ định đúng không ạ? Tức là các tầng Thiền (Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền). Tuy nhiên, không phải như vậy, tùy theo sắp xếp mà có thể nói như thế này: Sát-na-định trong tu Thiền, người ta tu Thiền quán cũng có Sát-na định nha! Sát-na định trong lúc chứng quả là Sát-na-định của Thiền quán, một Sát-na định đó thôi. Sát-na định bình thường, quý vị thấy nếu tính theo bên Thiền chỉ, thì thấp hơn Cận định. Vị đạo định hay Cận định thì mạnh hơn, vì nó ổn định được đối tượng nhiều hơn. Tức là xét về ổn định đối tượng, thì [Vị đạo định hay Cận định] ổn định được lâu.

Ví dụ như quý vị vô đó là quý vị sẽ cảm [thấy ổn định] lâu. Còn Sát-na định thì chỉ tập trung vào một đối tượng, vô một sát-na là ra, cho nên nói về [sự] ổn định là thua. Nếu bên Thiền chỉ, người ta sẽ xếp Sát-na định ở dưới Cận định, về mức độ ổn định. Nhưng nếu xét kỹ thì thực ra Sát-na định vẫn vào tầng Thiền, vào Thiền nhưng chỉ vào một lần thôi, cho nên nếu về độ sâu thì nó hơn.

Điều này khó, nhiều người không hiểu. Nhưng tóm lại thế này: Nếu xét về độ sâu thì Sát-na định vào sâu hơn, [vì] ít nhất là nó vào Sơ thiền, nhưng vô có một sát-na. Còn nếu về độ ổn định, để ngồi định được, thì Cận

định hơn. Cận định, mặc dù chưa vô Thiền nhưng ôn định trên đối tượng được rất lâu. Quý vị hiểu như vậy thì dễ hơn. Còn nhập Thiền là cao rồi. An chỉ định là ở các tầng Thiền cao hơn.

Trong Vi Diệu Pháp có đưa ra ví dụ như thế này: Sát-na định giống như một người liên tục đi qua các cánh cửa, qua cánh cửa này, qua cánh cửa kia. Còn Cận định thì giống như người đứng yên trước một cánh cửa. Còn trường hợp An chỉ định (nhập Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền) thì giống như người đi vào trong một cánh cửa. Người đi vào trong một cánh cửa, đứng ở trong đó thì ôn định, chắc chắn. Còn người đứng im ở ngoài cánh cửa, cũng ôn định đấy nhưng chỉ được Cận định thôi, chưa bước vào cửa được. Sát-na định thì vào cửa được, nhưng đi qua cửa liên tục, cho nên ôn định tâm không bằng. Quý vị hiểu như vậy thì cũng có thể được. Đó là ví dụ rất hay, ai hiểu được thì hiểu, không hiểu thì nghe đi nghe lại, lúc nào đó thì mình sẽ hiểu.

Hôm nay chia sẻ tới đây, thời gian cũng hết rồi, hy vọng quý vị nghe hiểu được. Chúng ta học được bao nhiêu thì học, [cứ] từ từ, cố gắng học. Còn học ‘Lộ trình tâm Viên tịch của A-la-hán’ nữa là hết các Lộ trình tâm, sau đó chúng ta học chuyên đề mới. Mời quý vị chúng ta hồi hướng!

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều sớm thành Đạo quả”.